

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA  
cho kỳ kế toán Q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024  
(báo cáo tự lập)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ đã được tự lập	04-40
Bảng cân đối kế toán riêng Q2 và giữa niên độ	04-05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Q2 và giữa niên độ	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Q2 và giữa niên độ	07-08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ	09-40

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán Q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 30 tháng 10 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên
Bà Trịnh Xuân Hùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Văn Việt	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 02/07/2024
		Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc ngày 02/07/2024
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 02/07/2024
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/07/2024
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/07/2024

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Phạm Hữu Phú	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Đinh Việt Anh	Thành viên

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán Q2 và 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Trương Văn Việt**  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 07 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.155.903.778.826</b>	<b>1.050.015.006.937</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.574.501.596	14.682.139.213
111	1. Tiền		4.574.501.596	14.682.139.213
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	41.082.739.726	22.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		41.082.739.726	22.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		636.851.569.246	606.625.862.270
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	498.948.084.253	498.822.066.903
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	104.620.013.793	74.107.811.714
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	33.283.471.200	33.695.983.653
140	IV. Hàng tồn kho	8	453.298.442.073	389.075.060.479
141	1. Hàng tồn kho		453.298.442.073	389.075.060.479
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.096.526.185	17.131.944.975
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	8.963.540.093	5.573.546.750
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.132.986.092	11.558.398.225
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>550.065.288.457</b>	<b>554.678.221.430</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.917.208.607	2.611.386.300
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.917.208.607	2.611.386.300
220	II. Tài sản cố định		202.016.230.761	235.117.888.856
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	145.264.417.130	200.717.846.110
222	- Nguyên giá		514.868.863.967	586.067.858.853
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(369.604.446.837)	(385.350.012.743)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	56.693.785.898	34.315.050.213
225	- Nguyên giá		79.044.870.739	52.411.322.590
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.351.084.841)	(18.096.272.377)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	58.027.733	84.992.533
228	- Nguyên giá		565.248.000	565.248.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(507.220.267)	(480.255.467)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	820.000.000	2.314.334.082
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		820.000.000	2.314.334.082
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	291.763.249.818	253.563.249.818
251	1. Đầu tư vào công ty con		198.263.249.818	160.063.249.818
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		90.000.000.000	90.000.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.500.000.000	3.500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		51.548.599.271	61.071.362.374
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	51.548.599.271	61.071.362.374
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.705.969.067.283</b>	<b>1.604.693.228.367</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>987.205.355.658</b>	<b>923.504.778.593</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>962.388.543.860</b>	<b>909.402.179.165</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	199.562.865.566	207.670.675.586
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	63.645.963.419	65.450.116.839
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	10.581.564.988	19.781.461.377
314	4. Phải trả người lao động		10.433.092.481	13.665.918.614
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	20.585.769.039	11.510.737.431
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	9.669.257.360	10.044.545.918
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	647.289.290.846	580.657.983.239
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		620.740.161	620.740.161
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>24.816.811.798</b>	<b>14.102.599.428</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.000.000.000	1.000.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	23.816.811.798	13.102.599.428
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>718.763.711.625</b>	<b>681.188.449.774</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>718.763.711.625</b>	<b>681.188.449.774</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.010.480.000	40.010.480.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		228.753.231.625	191.177.969.774
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		191.177.969.774	114.725.847.216
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		37.575.261.851	76.452.122.558
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.705.969.067.283</b>	<b>1.604.693.228.367</b>

  
Nguyễn Minh Tấn  
Người lập

  
Nguyễn Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng

  
Trương Văn Việt  
Tổng Giám đốc



Đồng Nai, ngày 29 tháng 07 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán quý 2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	429.369.522.382	323.889.456.579	808.409.181.077	559.806.353.583
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	-	-	-	-
-	- Giảm giá hàng bán	-	-	-	231	36.538.040
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	429.369.522.382	323.889.456.579	808.409.180.846	559.769.815.543
11	4. Giá vốn hàng bán	24	351.493.836.000	252.973.714.686	663.211.513.666	440.115.138.978
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	77.875.686.382	70.915.741.893	145.197.667.180	119.654.676.565
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	904.153.141	1.725.851.395	3.117.254.554	2.311.263.149
22	7. Chi phí tài chính	26	11.753.238.524	13.224.994.799	27.093.642.797	22.944.802.367
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	12.212.902.611	11.123.352.046	26.633.527.605	20.634.088.347
25	8. Chi phí bán hàng	27	20.764.956.353	25.382.892.623	39.812.196.178	40.517.545.922
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	14.125.417.160	16.408.989.778	28.997.232.074	30.097.913.216
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	32.136.227.486	17.624.716.088	52.411.850.685	28.405.678.209
31	11. Thu nhập khác	29	(24.215.411.380)	55.006.567	225.209.532	55.006.703
32	12. Chi phí khác	30	(21.055.535.360)	(209.297.191)	3.451.925.206	31.644.581
40	13. Lợi nhuận khác	-	(3.159.876.020)	264.303.758	(3.226.715.674)	23.362.122
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	28.976.351.466	17.889.019.846	49.185.135.011	28.429.040.331
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	6.363.010.508	3.623.470.763	11.609.873.160	5.637.565.300
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.613.340.958	14.265.549.083	37.575.261.851	22.791.475.031

Nguyễn Minh Tân  
Người lập  
Đồng Nai, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Nguyễn Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng

Trương Văn Việt  
Tổng giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>49.185.135.011</b>	<b>28.429.040.331</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.865.948.848	15.904.360.232
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.945.491.846)	520.902.009
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.074.450.985)	(139.927.629)
06	- Chi phí lãi vay		26.633.527.605	20.634.088.347
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>88.664.668.633</b>	<b>65.348.463.290</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(28.276.797.319)	(16.819.422.285)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(64.223.381.594)	(67.132.133.190)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.985.781.945)	52.960.492.512
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.132.769.760	8.602.531.056
14	- Tiền lãi vay đã trả		(26.734.314.593)	(20.622.772.580)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(21.205.758.029)	(12.658.800.559)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(49.628.595.087)</b>	<b>9.678.358.244</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.380.470.813)	(52.563.359.755)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		51.734.338.021	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.582.739.726)	(3.002.000.000)
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(38.200.000.000)	(46.745.380.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		725.604.263	201.527.630
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(13.703.268.255)</b>	<b>(102.109.212.125)</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		548.007.886.098	441.049.186.624
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(480.706.280.833)	(384.346.523.425)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(14.084.016.283)	(23.814.606.363)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>53.217.588.982</b>	<b>32.888.056.836</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10.114.274.360)	(59.542.797.045)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.682.139.213	70.134.104.647
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.636.743	2.166.938
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>4.574.501.596</u>	<u>10.593.474.540</u>

Nguyễn Minh Tấn  
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan  
Kế toán trưởng



Trương Văn Việt  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 07 năm 2024

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Q2 VÀ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

## 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 30 tháng 10 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 450.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 450.000.000.000 VND; tương đương 45.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 634 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 621 người).

### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ ( đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong 06T đầu năm 2024, mặc dù là năm khó khăn về kinh tế tuy nhiên công ty đã tăng hơn 44% doanh thu, trong 06T đầu năm so với cùng kỳ năm ngoái, do thành công trong việc đa dạng hóa mô hình kinh doanh giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh, và phát triển kinh doanh thương mại với lợi thế về bộ danh mục khách hàng lớn và ổn định.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### 2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

### 2.5 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### **2.7 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

### 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong kỳ mà chi phí phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

### 2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### 2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được ghi nhận theo giá trị thương hiệu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

### **2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### **2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **2.18 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tạm tính giá vốn bất động sản ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### **2.20 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

### 2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

- d) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### 2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	539.148.158	5.469.376.123
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.035.353.438	9.212.763.090
	<b>4.574.501.596</b>	<b>14.682.139.213</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>41.082.739.726</b>	-	<b>22.500.000.000</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	41.082.739.726	-	22.500.000.000	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>3.500.000.000</b>	-	<b>3.500.000.000</b>	-
- Trái phiếu (2)	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
	<b>44.582.739.726</b>	-	<b>26.000.000.000</b>	-

(1) Tại ngày 30/06/2024, các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 41.082.739.726 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất, ngân hàng TMCP Thịnh Vương và Phát Triển-Chi nhánh Vũng Tàu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Gia Định với lãi suất từ 3,6%/năm đến 6,6%/năm.

(2) Tại ngày 30/06/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 500.000.000 VND và do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 3.000.000.000 VND với lãi suất thả nổi.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>198.263.249.818</b>	-	-	<b>160.063.249.818</b>
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang (*)	198.263.249.818	-	-	160.063.249.818
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>90.000.000.000</b>	-	-	<b>90.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	90.000.000.000	-	-	90.000.000.000
	<b>288.263.249.818</b>	-	-	<b>250.063.249.818</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhom Trạch II - Nhom Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhom Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Trong năm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang đã thực hiện tăng vốn và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia góp bổ sung bằng tiền theo đúng tỷ lệ với giá trị là 38.200.000.000 VND, tương đương với 3.820.000 cổ phần.

**Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty con</i>				
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang (i)	Đồng Nai	88,17%	88,17%	Cho thuê nhà xưởng, sản xuất vật liệu xây dựng
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House (ii)	Đồng Nai	45,00%	45,00%	Sản xuất vật liệu xây dựng

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>54.523.512.721</b>	-	<b>122.264.955.575</b>	-
Công ty Cổ phần Vinagres	29.667.653.158	-	62.383.081.413	-
Royal American Wholesale	2.330.733.694	-	4.023.230.078	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	3.409.371.209	-	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	791.352.871	-	11.237.603.413	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	-	452.710.954	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	11.219.216.512	-	31.837.776.254	-
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	7.105.185.277	-	12.330.553.463	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>444.424.571.532</b>	-	<b>376.557.111.328</b>	-
Công ty Cổ phần Top Tile	116.109.813.277	-	71.228.642.789	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quán	51.534.613.696	-	53.429.540.289	-
Rc Flooring Distributor	23.267.627.992	-	25.791.429.775	-
Care About Trading Co., Ltd	31.197.886.028	-	27.684.519.767	-
Công ty TNHH Mylux Việt Nam	27.423.954.045	-	22.537.589.545	-
New Pacific Marble & Title	25.149.244.818	-	23.985.205.477	-
Các khách hàng khác	169.741.431.676	-	151.900.183.686	-
	<b>498.948.084.253</b>	-	<b>498.822.066.903</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>33.436.079.797</b>	-	<b>39.713.530.938</b>	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	32.291.920.488	-	19.447.386.029	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	1.144.159.309	-	20.266.144.909	-
<b>Bên khác</b>	<b>71.183.933.996</b>	-	<b>34.394.280.776</b>	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân	6.895.833.094	-	8.282.180.860	-
Công Ty TNHH MTV Trang Minh Anh	4.941.943.291	-	8.356.790.228	-
Forwell International (HK) Co.,Ltd	46.053.863.911	-	1.897.657.722	-
Trả trước cho người bán khác	13.292.293.700	-	15.857.651.966	-
	<b>104.620.013.793</b>	-	<b>74.107.811.714</b>	-

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a1) Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	386.507.816	-	240.408.906	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	420.000.000	-
Phải thu liên quan hoạt động thuê tài chính	1.471.558.855	-	1.714.971.945	-
Khoản cho mượn tiền	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
Khoản giao xây dựng và mua lại tài sản (*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Phải thu khác	125.404.529	-	20.602.802	-
	<b>33.283.471.200</b>	-	<b>33.695.983.653</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**a2) Chi tiết theo đối tượng**

<b>Bên liên quan</b>	<b>31.300.000.000</b>		<b>31.300.000.000</b>	
Ông Huỳnh Sơn	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Tùng (*)				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone (đổi tên từ 22/05/2024)	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
<b>Bên khác</b>	<b>1.983.471.200</b>		<b>2.395.983.653</b>	
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	1.425.666.769	-	1.714.971.945	-
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	45.892.086	-	-	-
Các đối tượng khác	511.912.345	-	681.011.708	-
	<b>33.283.471.200</b>	<b>-</b>	<b>33.695.983.653</b>	<b>-</b>

**b) Dài hạn****b1) Chi tiết theo nội dung**

Ký cược, ký quỹ	3.917.208.607	-	2.611.386.300	-
	<b>3.917.208.607</b>	<b>-</b>	<b>2.611.386.300</b>	<b>-</b>

**b2) Chi tiết theo đối tượng**

Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	1.475.101.000	-	2.611.386.300	-
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	2.442.107.607	-	-	-
	<b>3.917.208.607</b>	<b>-</b>	<b>2.611.386.300</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

(\*) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty. Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ VND còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ VND và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng. Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ VND. Ông Huỳnh Sơn Tùng đã thực hiện mua xong lô đất và đang trong quá trình xin giấy phép xây dựng.

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	69.174.450	-	56.332.198	-
Nguyên liệu, vật liệu	36.772.085.097	-	41.815.541.535	-
Công cụ, dụng cụ	11.943.151.723	-	19.816.892.952	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.409.429.945	-	4.801.829.738	-
Thành phẩm	242.726.225.987	-	243.000.444.063	-
Hàng hoá	155.691.490.794	-	78.740.533.911	-
Hàng gửi đi bán	1.686.884.077	-	843.486.082	-
	<b>453.298.442.073</b>	<b>-</b>	<b>389.075.060.479</b>	<b>-</b>

**9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>820.000.000</b>	<b>2.314.334.082</b>
- Thi công mái che, móng và sàn cho 2 cối nghiền xương 60 tấn	820.000.000	-
- Thi công hệ thống bù gạch đầu lò nung	-	2.212.472.082
- Hệ Thống Báo cháy	-	101.862.000
	<b>820.000.000</b>	<b>2.314.334.082</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA****Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Số dư đầu kỳ	105.778.843.452	461.842.399.695	12.103.865.191	3.198.480.480	3.144.270.035	586.067.858.853						
- Mua trong kỳ	-	531.925.651	-	82.944.469	-	614.870.120						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.047.462.693	-	-	-	-	8.047.462.693						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(79.861.327.699)	-	-	-	(79.861.327.699)						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>113.826.306.145</b>	<b>382.512.997.647</b>	<b>12.103.865.191</b>	<b>3.281.424.949</b>	<b>3.144.270.035</b>	<b>514.868.863.967</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư đầu kỳ	78.564.967.749	295.015.049.608	8.793.027.385	2.484.132.004	492.835.997	385.350.012.743						
- Khấu hao trong kỳ	1.604.173.003	10.067.703.925	622.584.961	132.496.194	157.213.501	12.584.171.584						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(28.329.737.490)	-	-	-	(28.329.737.490)						
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>80.169.140.752</b>	<b>276.753.016.043</b>	<b>9.415.612.346</b>	<b>2.616.628.198</b>	<b>650.049.498</b>	<b>369.604.446.837</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày đầu kỳ	27.213.875.703	166.827.350.087	3.310.837.806	714.348.476	2.651.434.038	200.717.846.110						
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>33.657.165.393</b>	<b>105.759.981.604</b>	<b>2.688.252.845</b>	<b>664.796.751</b>	<b>2.494.220.537</b>	<b>145.264.417.130</b>						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.879.484.889 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 260.013.730.282 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	51.744.438.045	666.884.545	52.411.322.590
- Thuê tài chính	26.633.548.149	-	26.633.548.149
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>78.377.986.194</b>	<b>666.884.545</b>	<b>79.044.870.739</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	17.999.018.381	97.253.996	18.096.272.377
- Trích khấu hao	4.213.132.180	41.680.284	4.254.812.464
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>22.212.150.561</b>	<b>138.934.280</b>	<b>22.351.084.841</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	33.745.419.664	569.630.549	34.315.050.213
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>56.165.835.633</b>	<b>527.950.265</b>	<b>56.693.785.898</b>

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	565.248.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>565.248.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	480.255.467
- Khấu hao trong kỳ	26.964.800
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>507.220.267</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu kỳ	84.992.533
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>58.027.733</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.963.540.093	5.573.546.750
	<b>8.963.540.093</b>	<b>5.573.546.750</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.548.599.271	14.071.362.374
Chi phí sử dụng thương hiệu (*)	41.000.000.000	47.000.000.000
	<b>51.548.599.271</b>	<b>61.071.362.374</b>

(\*) Chi phí sử dụng thương hiệu từ Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 giữa Công ty và Công ty TNHH Top Tile có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng với số tiền là 60 tỷ VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**

cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>2.296.197.621</b>	<b>2.296.197.621</b>	<b>51.073.856.553</b>	<b>51.073.856.553</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	1.954.875.236	1.954.875.236	1.339.956.036	1.339.956.036
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	222.612.805	222.612.805	40.705.599.358	40.705.599.358
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone (đổi tên từ 22/05/2024)	118.709.580	118.709.580	9.028.301.159	9.028.301.159
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>197.266.667.945</b>	<b>197.266.667.945</b>	<b>156.596.819.033</b>	<b>156.596.819.033</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ Hexagon	10.124.396.989	10.124.396.989	10.367.013.338	10.367.013.338
Công Ty Cổ phần Vật Tư Bưu Điện	7.607.100.119	7.607.100.119	10.607.100.119	10.607.100.119
Công ty Cổ phần Frit Huế	9.121.304.110	9.121.304.110	7.713.606.810	7.713.606.810
CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	13.451.061.970	13.451.061.970	4.675.247.453	4.675.247.453
Đối tượng khác	156.962.804.757	156.962.804.757	123.233.851.313	123.233.851.313
	<b>199.562.865.566</b>	<b>199.562.865.566</b>	<b>207.670.675.586</b>	<b>207.670.675.586</b>

**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>12.361.904.607</b>	<b>7.720.727.204</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	-	7.720.727.204
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Royal House	12.361.904.607	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>51.284.058.812</b>	<b>57.729.389.635</b>
Công ty TNHH VINAMEN	7.647.677.321	19.034.409.871
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hùng Ngọc	9.417.182.278	6.270.243.707
Công Ty TNHH Gạch Men Minh Long	9.420.242.668	-
Đối tượng khác	24.798.956.545	32.424.736.057
	<b>63.645.963.419</b>	<b>65.450.116.839</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhom Trach II - Nhom Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhom Trach, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**

cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	59.957.559.276	59.957.559.276	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	111.583.361	111.583.361	-	-	111.583.361	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	19.584.785.163	-	11.609.873.160	11.609.873.160	-	-	21.205.758.029	-	-	9.988.900.294	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	196.676.214	-	1.511.805.955	1.511.805.955	-	-	1.116.642.475	-	-	591.839.694	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	706.762.024	706.762.024	-	-	705.937.024	-	-	825.000	-
	-	<b>19.781.461.377</b>	-	<b>73.897.583.776</b>	<b>73.897.583.776</b>	-	-	<b>83.097.480.165</b>	-	-	<b>10.581.564.988</b>	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	665.269.074	766.056.062
- Trích trước chi phí tiền điện	1.888.615.600	1.154.483.575
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	14.300.403.849	8.029.596.096
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	1.358.688.702	1.265.866.054
- Trích trước chi tiền thuê đất	2.372.791.814	-
- Trích trước chi phí xuất nhập khẩu	-	294.735.644
	<b>20.585.769.039</b>	<b>11.510.737.431</b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>a1) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Kinh phí công đoàn	5.735.714.102	5.627.400.302
- Bảo hiểm xã hội	923.568.608	624.243.311
- Bảo hiểm thất nghiệp	44.771.145	-
- Khoản mượn tiền không lãi suất	2.000.000.000	3.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	965.203.505	792.902.305
	<b>9.669.257.360</b>	<b>10.044.545.918</b>
<b>a2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
<b>Bên liên quan</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal Sintered Stone (đổi tên từ 22/05/2024)	2.000.000.000	-
<b>Bên liên quan</b>	<b>7.669.257.360</b>	<b>7.044.545.918</b>
- Cán bộ công nhân viên Công ty	899.628.655	782.639.100
- Công đoàn cấp cơ sở	5.735.714.102	5.627.400.302
- Các đối tượng khác	1.033.914.603	634.506.516
	<b>9.669.257.360</b>	<b>10.044.545.918</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>b1) Chi tiết theo nội dung</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>b2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Nhật	1.000.000.000	1.000.000.000
	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>574.459.278.189</b>	<b>574.459.278.189</b>	<b>548.007.886.098</b>	<b>480.999.425.905</b>	<b>641.467.738.382</b>	<b>641.467.738.382</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa <sup>(1)</sup>	154.218.197.556	154.218.197.556	135.062.434.058	134.061.341.550	155.219.290.064	155.219.290.064
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai <sup>(2)</sup>	95.625.598.384	95.625.598.384	104.257.014.132	89.965.685.829	109.916.926.687	109.916.926.687
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất <sup>(3)</sup>	143.742.126.440	143.742.126.440	94.507.126.908	89.075.694.680	149.173.558.668	149.173.558.668
- Ngân hàng TMCP Thịnh Vương Và Phát Triển-Chi nhánh Vũng Tàu <sup>(4)</sup>	79.505.262.809	79.505.262.809	140.928.340.288	94.628.534.371	125.805.068.726	125.805.068.726
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai <sup>(5)</sup>	59.968.169.475	59.968.169.475	73.252.970.712	73.268.169.475	59.952.970.712	59.952.970.712
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Gia Định <sup>(6)</sup>	41.399.923.525	41.399.923.525	-	-	41.399.923.525	41.399.923.525
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>6.198.705.050</b>	<b>6.198.705.050</b>	<b>5.821.552.464</b>	<b>6.198.705.050</b>	<b>5.821.552.464</b>	<b>5.821.552.464</b>
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) <sup>(7)</sup>	6.198.705.050	6.198.705.050	5.821.552.464	6.198.705.050	5.821.552.464	5.821.552.464
	<b>580.657.983.239</b>	<b>580.657.983.239</b>	<b>553.829.438.562</b>	<b>487.198.130.955</b>	<b>647.289.290.846</b>	<b>647.289.290.846</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) <sup>(7)</sup>	19.301.304.478	19.301.304.478	24.421.076.067	14.084.016.283	29.638.364.262	29.638.364.262
	<b>19.301.304.478</b>	<b>19.301.304.478</b>	<b>24.421.076.067</b>	<b>14.084.016.283</b>	<b>29.638.364.262</b>	<b>29.638.364.262</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.198.705.050)	(6.198.705.050)	(5.821.552.464)	(6.198.705.050)	(5.821.552.464)	(5.821.552.464)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>13.102.599.428</b>	<b>13.102.599.428</b>			<b>23.816.811.798</b>	<b>23.816.811.798</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhom Trạch II - Nhom Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhom Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 30/06/2024 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 30/06/2024 (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
<b>(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa</b>								
08/2023-HDCVHM/NHCT682-HOANGGIA	8/21/2023	150.000.000.000	155.219.290.064 VND	155.219.290.064	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp bao gồm MMTB, NCVKI, TSK khác với tổng giá trị còn lại là 108,6 tỷ VND
<b>(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai</b>								
202025393705	3/13/2024	110.000.000.000	42.996.462.877 VND và 2.627.423 USD	109.916.926.687	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp là hàng hóa thành phẩm với tổng giá trị 64 tỷ VND
<b>(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất</b>								
01/2023/7856791//HD TD	6/29/2023	150.000.000.000	111.984.302.268 VND và 1.460.120 USD	149.173.558.668	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp gồm các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu với tổng giá trị 17,5 tỷ và tài sản gồm MMTB và PTVT với tổng giá trị 63,3 tỷ VND
<b>(4) Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng Và Phát Triển - Chi nhánh Vũng Tàu</b>								
510.30417/2023/HDT DHM-DN/PGBank VT	8/11/2023	100.000.000.000	120.496.108.294 VND và 208.439,75 USD	125.805.068.726	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp là hàng hóa thành phẩm với tổng giá trị 50,3 tỷ VND
<b>(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai</b>								
2023067/HDHM/QLN	7/20/2023	60.000.000.000	59.952.970.712 VND	59.952.970.712	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

<b>(6) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội-Chi nhánh Gia Định</b>				<b>41.399.923.525</b>				
164898.23.109.828327.TD	11/24/2023	55.000.000.000	41.399.923.525 VND	41.399.923.525	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

**d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:**

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2023 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
<b>(7) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)</b>								
SBL010202009015	9/23/2020	2.275.673.400	281.400.450	281.400.450	Đầu tư 01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men	48 tháng	9%/năm	01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men
SBL010202011014	11/9/2020	3.588.315.500	897.079.100	448.539.400	Đầu tư 01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%	48 tháng	9%/năm	01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%
SBL010202103026	3/25/2021	2.472.714.300	618.179.100	309.089.200	Đầu tư 01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)	48 tháng	9%/năm	01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)
SBL010202210047	10/28/2022	584.800.000	365.500.000	73.100.000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%/năm	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38
SBL010202208067	8/31/2022	6.821.071.780	4.948.886.900	899.797.600	Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD
SBL01020230310	3/10/2023	4.549.159.200	1.534.955.200	255.826.000	Đầu tư 03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA của XINCHENG INTERNATIONAL CO.,LTD	52 tháng	10,5%/năm	03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA, hãng sản xuất XINCHENG INTERNATIONAL CO.,LTD

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo):**

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức (VND)	Số dư 31/12/2023 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
<b>(7) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)</b>								
SBL010202307039	8/1/2023	2.361.051.828	1.537.656.128	219.665.200	Đầu tư hệ thống bù gạch nhân hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023	48 tháng	10,5%/năm	Hệ thống bù gạch nhân hiệu Rong Zhi Cheng Co., Ltd, model ZNCP288 mới 100%, xuất xứ TQ, sản xuất 2023
SBL010202311033	11/21/2023	1.078.707.101	707.901.200	101.128.800	Đầu tư máy làm mát gạch sd trong dây chuyền SX gạch men, nhân hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy	48 tháng	9,7%/năm	Máy làm mát gạch sd trong dây chuyền SX gạch men, nhân hiệu SMAC, model KRYO 2.0 S.90, số serial 1012BN, mới 100%, SX năm 2023, xuất xứ Italy
CP-CILC00102.2024	3/14/2024	14.652.645.640	13.757.206.184	2.401.405.814	Máy móc thiết bị xường GTT2 - Hoàng Gia	60 tháng	8,73%/năm	Máy móc thiết bị xường GTT2 - Hoàng Gia
SBL010202301025	1/31/2023	8.962.800.000	4.989.600.000	831.600.000	Đầu tư 01 máy phun kỹ thuật số, 01 máy phủ men khô, hãng sản xuất Foshan Sanshui Yingjie Precision Machinery Co., LTD	48 tháng	10,5%/năm	01 máy phun kỹ thuật số model K8-700(560)/6+2. 01 máy phủ men khô model GL-P1200/L3.4WP

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>360.000.000.000</b>	-	<b>114.725.847.216</b>	<b>474.725.847.216</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	22.791.475.031	22.791.475.031
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>360.000.000.000</b>	-	<b>137.517.322.247</b>	<b>497.517.322.247</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>40.010.480.000</b>	<b>191.177.969.774</b>	<b>681.188.449.774</b>
Lãi/lỗ trong kỳ nay	-	-	37.575.261.851	37.575.261.851
<b>Số dư cuối kỳ nay</b>	<b>450.000.000.000</b>	-	<b>228.753.231.625</b>	<b>718.763.711.625</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
		VND		VND
Ông Đinh Việt Anh	20,80%	93.600.000.000	20,80%	93.600.000.000
Bà Lê Thị Vi Na	19,72%	88.740.000.000	19,72%	88.740.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê	15,08%	67.860.000.000	15,08%	67.860.000.000
Ông Huỳnh Quang Báu	3,60%	16.200.000.000	3,60%	16.200.000.000
Ông Trương Văn Việt	0,87%	3.930.000.000	0,87%	3.930.000.000
Các cổ đông khác	39,93%	179.670.000.000	39,93%	179.670.000.000
	<b>100%</b>	<b>450.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>450.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	450.000.000.000	360.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>450.000.000.000</u>	<u>360.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>450.000.000.000</u>	<u>360.000.000.000</u>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	45.000.000	45.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45.000.000	45.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**

cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.895.533.000	3.641.400.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	15.582.132.000	14.565.600.000
- Trên 5 năm	112.970.457.000	104.083.350.000
	<b>132.448.122.000</b>	<b>122.290.350.000</b>

**b) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	53.853,37	29.967,00

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	126.834.139.754	54.777.167.887
Doanh thu bán thành phẩm	439.128.594.292	453.235.359.532
Doanh thu bán nguyên vật liệu	238.325.125.975	48.339.074.660
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.121.321.056	3.454.751.504
	<b>808.409.181.077</b>	<b>559.806.353.583</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

	<b>69.921.075.278</b>	<b>82.596.274.792</b>
--	-----------------------	-----------------------

**23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	36.538.040
Giảm giá hàng bán	231	-
	<b>231</b>	<b>36.538.040</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	324.233.948.036	337.001.796.401
Giá vốn của hàng hóa đã bán	106.349.226.169	52.258.556.495
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	229.506.712.216	47.724.898.051
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.121.627.245	3.129.888.031
	<b>663.211.513.666</b>	<b>440.115.138.978</b>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	<b>51.207.685.782</b>	<b>84.771.931.526</b>
-----------------------	-----------------------	-----------------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	871.703.173	139.927.629
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.593.641.479	2.171.335.520
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.945.491.846	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	<b>7.410.836.498</b>	<b>2.311.263.149</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	26.633.527.605	20.634.088.347
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.753.697.136	1.789.812.011
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	520.902.009
	<b>31.387.224.741</b>	<b>22.944.802.367</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.144.714.643	1.356.540.665
Chi phí nhân công	7.358.728.966	11.703.049.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	156.702.497	82.344.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.068.442.147	27.375.611.104
Chi phí khác bằng tiền	83.607.925	-
	<b>39.812.196.178</b>	<b>40.517.545.922</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	328.508.306	343.084.229
Chi phí nhân công	13.467.280.256	15.506.470.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	713.432.350	664.800.622
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.309.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.469.390.668	13.458.132.101
Chi phí khác bằng tiền	14.620.494	121.115.994
	<b>28.997.232.074</b>	<b>30.097.913.216</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**29 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	202.747.812	-
Tiền phạt thu được	17.030.500	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC	-	55.006.703
Thu nhập khác	5.431.220	-
	<b>225.209.532</b>	<b>55.006.703</b>

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	727.847.423	31.644.483
Chi phí khác	2.724.077.783	98
	<b>3.451.925.206</b>	<b>31.644.581</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.185.135.011	28.429.040.331
Các khoản điều chỉnh tăng	3.449.224.121	41.840.000
- Chi phí không hợp lệ	3.449.224.121	41.840.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.689.857.664)	(283.053.829)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(2.689.857.664)	(283.053.829)
Thu nhập chịu thuế TNDN	49.944.501.468	28.187.826.502
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>9.988.900.294</b>	<b>5.637.565.300</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1.620.972.866	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	19.584.785.163	12.658.800.559
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(21.205.758.029)	(12.658.800.559)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>9.988.900.294</b>	<b>5.637.565.300</b>

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	225.148.703.937	222.276.575.328
Chi phí nhân công	61.388.161.700	80.405.525.418
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.865.948.848	15.904.360.232
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.134.351.989	80.890.401.541
Chi phí khác bằng tiền	102.228.419	25.923.948
	<b>394.639.394.893</b>	<b>399.502.786.467</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.035.353.438	-	-	4.035.353.438
Phải thu khách hàng, phải thu khác	532.231.555.453	3.917.208.607	-	536.148.764.060
Các khoản cho vay	41.082.739.726	-	-	41.082.739.726
	<b><u>577.349.648.617</u></b>	<b><u>3.917.208.607</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>581.266.857.224</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.212.763.090	-	-	9.212.763.090
Phải thu khách hàng, phải thu khác	532.518.050.556	2.611.386.300	-	535.129.436.856
Các khoản cho vay	22.500.000.000	-	-	22.500.000.000
	<b><u>564.230.813.646</u></b>	<b><u>2.611.386.300</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>566.842.199.946</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Vay và nợ	647.289.290.846	23.816.811.798	-	671.106.102.644
Phải trả người bán, phải trả khác	209.232.122.926	1.000.000.000	-	210.232.122.926
Chi phí phải trả	20.585.769.039	-	-	20.585.769.039
	<b>877.107.182.811</b>	<b>24.816.811.798</b>	<b>-</b>	<b>901.923.994.609</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	580.657.983.239	13.102.599.428	-	593.760.582.667
Phải trả người bán, phải trả khác	217.715.221.504	1.000.000.000	-	218.715.221.504
Chi phí phải trả	11.510.737.431	-	-	11.510.737.431
	<b>809.883.942.174</b>	<b>14.102.599.428</b>	<b>-</b>	<b>823.986.541.602</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

<b>a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai</b>	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2024	2023
	VND	VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	26.633.548.149	18.112.448.674
<b>c) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2024	2023
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	548.007.886.098	441.049.186.624
<b>d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2024	2023
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	480.706.280.833	384.346.523.425

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ này.

**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Sản phẩm Gạch Ceramic	Sản phẩm Gạch Porcelain	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	369.161.243.168	188.003.595.359	251.244.342.319	808.409.180.846
Chi phí bộ phận trực tiếp	293.125.558.425	132.427.384.805	237.658.570.436	663.211.513.666
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>76.035.684.743</b>	<b>55.576.210.554</b>	<b>13.585.771.883</b>	<b>145.197.667.180</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	8.662.332.813
Tài sản bộ phận trực tiếp	627.038.675.971	319.333.428.667	426.750.973.101	1.373.123.077.739
Tài sản không phân bổ	-	-	-	332.845.989.544
<b>Tổng tài sản</b>	<b>627.038.675.971</b>	<b>319.333.428.667</b>	<b>426.750.973.101</b>	<b>1.705.969.067.283</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	445.693.230.605	226.979.216.620	303.330.603.284	976.003.050.509
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	11.202.305.149
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>445.693.230.605</b>	<b>226.979.216.620</b>	<b>303.330.603.284</b>	<b>987.205.355.658</b>

**Theo khu vực địa lý**

	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	689.856.605.774	118.552.575.072	808.409.180.846
Tài sản bộ phận	-	-	1.705.969.067.283
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	8.662.332.813

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**

cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

**37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale, là vợ của Ông Đình Việt Anh
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của ông Đình Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Năm 2023 Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House là công ty liên doanh liên kết
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Đổi tên từ Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu Ốp lát Hoàng Gia. Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty.
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Bà Huỳnh Thị Đông Thi là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê, là vợ của ông Đình Việt Anh.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh là cổ đông lớn của Công ty.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của ông Đình Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	Công ty con.
Ông Đình Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Vợ ông Đình Việt Anh - Chủ tịch HĐQT.
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT ( Miễn nhiệm ngày 02/07/2024)
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi - vợ của ông Đình Việt Anh
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Việt	Tổng Giám đốc ( Bỏ nhiệm ngày 02/07/2024)
Ông Nguyễn Anh Bình	Phó Tổng Giám đốc ( Bỏ nhiệm ngày 02/07/2024)
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc ( Miễn nhiệm ngày 02/07/2024)
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>69.921.075.278</b>	<b>82.596.274.792</b>
Công ty Cổ phần Vinagres	20.816.314.621	45.087.598.558
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	1.197.600	26.489.659.619
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	27.065.903.526	2.098.549.166
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	9.733.309	403.920
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	14.364.130.555	8.920.063.529
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	7.663.795.667	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, thị trấn  
Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai**Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán q2 và bán niên kết thúc ngày 30/06/2024

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
<b>Mua hàng</b>	<b>51.207.685.782</b>	<b>84.771.931.526</b>
Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	32.811.625.323	43.517.689.870
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	1.050.195.550	20.233.356.143
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	2.833.528.909	6.565.801.638
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	787.940.000	-
Công ty Cổ Phần Bảo Sơn Xanh	13.724.396.000	14.455.083.875
<b>Đầu tư góp vốn</b>	<b>38.200.000.000</b>	<b>46.745.380.000</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Khang	38.200.000.000	46.745.380.000




Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ		06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
		VND	VND
<b>Thu nhập</b>			
<b>Ban Tổng Giám đốc, HĐQT</b>			
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán	460.063.470	467.076.960
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	402.713.050	408.692.350
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	360.869.460	386.572.160
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	360.262.440	366.100.627
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	275.194.450	359.253.890
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	279.781.330	295.949.200

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng Q2 và giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Q2 và giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Q2 và giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng Q2 và giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày

**Nguyễn Minh Tân**                      **Nguyễn Thị Kim Loan**                      **Trương Văn Việt**  
 Người lập                                      Kế toán trưởng                                      Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 07 năm 2024